

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng của UBND huyện Ninh Sơn phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động của UBND huyện Ninh Sơn.

(theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Ninh Sơn, ngày 02 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH



Võ Đình Vinh

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3003/BKHCN-TĐC ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng của UBND huyện Ninh Sơn phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và Thủ trưởng các phòng chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KHCN;
- CT. và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Võ Đình Vinh



PHỤ LỤC

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND HUYỆN NINH SƠN ĐƯỢC
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND
ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP HUYỆN

	Tên thủ tục	Quyết định của UBND tỉnh
I.	Lĩnh vực hòa giải cơ sở	Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 16/10/2018
1.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	
II.	Lĩnh vực hộ tịch	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 02/8/2016
2.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
3.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
4.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
5.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
6.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
7.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
8.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
9.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	
10.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
11.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
12.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
13.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	



14.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
15.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
16.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
17.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
III.	Lĩnh vực chứng thực	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 25/6/2020
18.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
19.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
20.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
21.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
22.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
23.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
24.	Cấp bản sao từ sổ gốc	
25.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
26.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	
27.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	
28.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	
29.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	
IV.	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	
30.	Thủ tục phục hồi danh dự	
31.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	
V.	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (40 TTHC)	
A	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (38 TTHC)	
32.	Thành lập trường THCS công lập hoặc cho phép thành lập trường THCS tư thục	
33.	Cho phép trường THCS hoạt động giáo dục	

34.	Cho phép Trường THCS hoạt động trở lại	Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 12/7/2019
35.	Sáp nhập, chia tách trường THCS	
36.	Giải thể trường THCS (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	
37.	Thành lập trường PTDT bán trú	
38.	Sáp nhập, chia tách trường PTDT bán trú	
39.	Thành lập trường tiểu học công lập cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	
40.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	
41.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
42.	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	
43.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức cá nhân)	
44.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	
45.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	
46.	Cho phép trường PTDT nội trú có cấp học cao nhất là THCS hoạt động giáo dục	
47.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	
48.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	
49.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	
50.	Sáp nhập, chia tách trường nẫu giáo trường mầm non, nhà trẻ	
51.	Cho phép trường PT dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	
52.	Chuyển đổi trường PTDT bán trú	
53.	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, THCS	
54.	Giải thể trường mẫu giáo trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	
55.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình THCS	
56.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
57.	Quy trình đánh giá, xếp loại “cộng đồng học tập” cấp xã	
58.	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	



59.	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập	
60.	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập	
61.	Chuyển trường đối với học sinh THCS	
62.	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc THCS	
63.	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc THCS	
64.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	
65.	Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường TH, THCS ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	
66.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh THCS, sinh viên các DTTS rất ít người	Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 23/9/2020
67.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em Mẫu giáo	
68.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	
69.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	
B	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ (02 TTHC)	
70.	Cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ sổ gốc	Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 12/7/2019
71.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng chứng chỉ	
VI.	Lĩnh vực thuốc lá	
72.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 03/9/2019
73.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
74.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
VII.	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa	
75.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 03/9/2019
76.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
77.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
78.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
79.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
80.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	

81.	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
82.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
83.	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
VIII.	Lĩnh vực An toàn thực phẩm (Y tế)	
84.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 01/8/2019
IX.	Lĩnh vực An toàn thực phẩm (Kinh tế Hạ tầng)	
85.	Thủ tục cấp giấy đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 14/12/2017
86.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	
X.	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	
87.	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 14/12/2017
XI.	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	
88.	Thủ tục Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)	Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 02/12/2016
89.	Thủ tục Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	
90.	Thủ tục Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	
XII.	Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc	
91.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quyết định số 3001/QĐ-UBND ngày 02/12/2016



92.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	
XIII.	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	
93.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Quyết định số 3001/QĐ-UBND ngày 02/12/2016
XIV.	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	
94.	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 19/3/2020
95.	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	
96.	Công nhận lần đầu Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	
97.	Thủ tục xét tặng danh hiệu khu dân cư văn hóa hàng năm	
98.	Thủ tục xét tặng giấy khen khu dân cư văn hóa	
99.	Thủ tục công nhận lần đầu xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	
100.	Thủ tục công nhận lại xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	
101.	Thủ tục công nhận lần đầu phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	
102.	Thủ tục công nhận lại phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	
103.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	
104.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	
XV.	Thư viện	
105.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 10.000 đến dưới 2.000 bản	Quyết Định số 371/QĐ-UBND ngày 19/3/2020
XVI.	Lĩnh vực gia đình	
106.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Quyết Định số 371/QĐ-UBND ngày 19/3/2020
107.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
108.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
109.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
110.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
111.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
XVII.	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	
112.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	